

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 133/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 9 – 2024

V/v tranh chấp HNGĐ

Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc M

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Anh T

2. Ông Phạm T

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 515/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 575/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị Cẩm N**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

Bị đơn: Anh **Mai Nhân T**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị **Đặng Thị Cẩm N** là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh T1 thời gian tìm hiểu thì được gia đình hai bên tổ chức hôn lễ vào năm 2010, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/9/2010 tại Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Đồng Tháp

Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng cũng dần nhạt phai do anh T2 chú tâm làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con để chị N1 mình lo toan mọi thứ. Chị N2 cố gắng tìm

cách hàn gắn tình cảm nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cả hai không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân cùng nhau được nữa. Vợ chồng cũng đã sống ly thân từ tháng 3/2023 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đặng Thị Cẩm N yêu cầu được ly hôn với anh Mai Nhân T3

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Mai Nhân H Hsinh ngày 12/9/2011. Hiện con chung đang sống với mẹ.

Khi ly hôn, chị N3 cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp D nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Mai Nhân T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của chị N nhưng không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- Căn cước công dân Đặng Thị Cẩm N (photo);
- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);
- Giấy khai sinh Mai Nhân H1 (bản sao);
- Đơn xin xác nhận nơi cư trú ngày 26/7/2024 (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Đặng Thị Cẩm N có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con với anh Mai N4 T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con*”.

Anh Mai Nhân T là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại huyện C, tỉnh Đồng Tháp Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Mai Nhân T là bị đơn trong vụ kiện nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì về việc xin ly hôn của chị N. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Mai Nhân T là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T sống chung với nhau vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2010, do đó hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp.

Theo chị N trình bày, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến thời gian sau, chị N và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, tranh cãi do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị N và anh T không còn chung sống với nhau cũng như không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh Mai Nhân T tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến hay biện pháp nào để hàn gắn tình cảm đối với yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị Cẩm N. Xét thấy hôn nhân giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị N và anh T là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị N.

- Về con chung: Xét từ khi chị N, anh T sống xa nhau đến nay, chị N là người trực tiếp nuôi con chung Mai Nhân Hoàn Hảo; Bên cạnh đó, tại bản tự khai ngày 30/8/2024, cháu H có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị N.

Do đó, giao con chung tên Mai Nhân Hoàn H1, sinh ngày 12/9/2011 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu.

Anh Mai N4 T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị N trình bày vợ chồng không có tài sản chung, anh T không có ý kiến về tài sản chung, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N trình bày vợ chồng không có nợ chung, anh T không có ý kiến về nợ chung, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Đặng Thị Cẩm N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 144 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố

tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị Cẩm N.

- Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Cẩm N được ly hôn với anh Mai Nhân T3

- Về con chung: Chị Đặng Thị Cẩm N được tiếp tục nuôi con chung Mai Nhân Hoàn Hảo, sinh ngày 12/9/2011.

Anh Mai N4 T không phải cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu.

Anh Mai N4 T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Đặng Thị Cẩm N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008925 ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy tiền án phí đương sự đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND HCL;
- UBND xã Ba Sao, HCL, ĐT;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Minh